

Assessment of the current status of coconut cultivation in the coastal area of Khanh Hoa province

Phuong T. M. Nguyen¹, Tri D. H. Nguyen^{1,2}, Thu N. Q. Thai^{1,2}, Thang Q. Luu¹, Thinh P. Pham¹, &
Dong T. H. Tran^{2*}

¹Perennial Oil Crops Department, Research Institute for Oil and Oil Plants, Ho Chi Minh City, Vietnam

²Plant Protection Department, Agronomy Faculty, University of Agriculture and Forestry, Hue University, Hue, Vietnam

ARTICLE INFO

Research Paper

Received: November 22, 2024

Revised: December 13, 2024

Accepted: December 26, 2024

Keywords

Coastal area

Coconut tree

Cultivation techniques

Khanh Hoa province

*Corresponding author

Tran Thi Hoang Dong

Email:

tranthihoangdong@huaf.edu.vn

ABSTRACT

The objective of the study was to evaluate the current status of coconut cultivation in the coastal area of Khanh Hoa province. Investigating 120 households growing coconuts in Cam Ranh city, Ninh Hoa town, and Van Ninh district. The results showed that in investigated sites, farmers mainly grow drinking coconut varieties with specialised cultivation form, the average coconut area was under 0.4 hectares per household. The average age of drinking coconut gardens ranged from 6 to 10 years with common yield of 50 to 100 fruits/tree per year the oil coconut gardens were over 30 years old with yield of 20 to 40 fruits/tree per year. The density of coconut planting was about 400 trees/ha, planted by digging holes and fertilizing before planting. Organic fertilizer was applied by spreading around the base; the number of applications was less than 3 times per year, and the dosage was from 10 to 20 kg/tree. Inorganic fertilizer was spread around the base by farmers; the number of applications was less than 3 times/year, and the dosage of N and P_2O_5 from 100 to 200 g/tree, while K_2O was less than 200 g/tree. The cost of coconut care during the business period was generally less than 20 million VND/ha per year, the income from coconuts of most farmers was less than 150 million VND/ha per year, and the profit was mainly less than 100 million VND/ha per year.

Cited as: Nguyen, P. T. M., Nguyen, T. D. H., Thai, T. N. Q., Luu, T. Q., Pham, T. P., & Tran, D. T. H. (2025). Assessment of the current status of coconut cultivation in the coastal area of Khanh Hoa province. *The Journal of Agriculture and Development* 24(5), 10-20.

Đánh giá thực trạng canh tác dừa khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Nguyễn Thị Mai Phương¹, Nguyễn Đoàn Hữu Trí^{1,2}, Thái Nguyễn Quỳnh Thu^{1,2}, Lưu Quốc Thắng¹,
Phạm Phú Thịnh¹ & Trần Thị Hoàng Đông^{2*}

¹Bộ Môn Cây Có Dầu Dài Ngày, Viện Nghiên Cứu Dầu và Cây Có Dầu, TP. Hồ Chí Minh

²Bộ Môn Bảo Vệ Thực Vật, Khoa Nông Học, Trường Đại Học Nông Lâm, Đại Học Huế, Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Bài báo khoa học

Ngày nhận: 22/11/2024

Ngày chỉnh sửa: 13/12/2024

Ngày chấp nhận: 26/12/2024

Từ khóa

Cây dừa

Khánh Hòa

Kỹ thuật canh tác

Vùng ven biển

*Tác giả liên hệ

Trần Thị Hoàng Đông

Email:

tranthihoangdong@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng canh tác dừa khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa. Tiến hành khảo sát 120 nông hộ trồng dừa ở thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh. Kết quả cho thấy, vùng khảo sát người dân chủ yếu trồng giống dừa uống nước với hình thức chuyên canh và diện tích trồng dừa dưới 0,4 ha/hộ. Giống trồng để lấy quả uống nước có độ tuổi từ 6 đến 10 năm và năng suất từ 50 đến 100 quả/cây trong 1 năm; giống dừa lấy dầu là trên 30 năm tuổi và năng suất từ 20 đến 40 quả/cây trong 1 năm. Mật độ trồng dừa khoảng 400 cây/ha, có đào hố và bón lót trước khi trồng. Phân hữu cơ được bón bằng cách rải xung quanh gốc, bón dưới 3 lần/năm và liều lượng từ 10 đến 20 kg/cây. Phân vô cơ được nông hộ rải xung quanh gốc, bón dưới 3 lần/năm với liều lượng N và P_2O_5 từ 100 đến 200 g/cây, K_2O chủ yếu dưới 200 g/cây. Chi phí chăm sóc dừa thời kỳ kinh doanh phổ biến dưới 20 triệu đồng/ha trên 1 năm, thu nhập từ dừa đa số dưới 150 triệu đồng/ha trong 1 năm và lợi nhuận chủ yếu dưới 100 triệu đồng/ha trong 1 năm.

1. Đặt Vấn Đề

Dừa (*Cocos nucifera* L.) là một trong những cây trồng chính ở khu vực bờ biển và hải đảo tại các quốc gia nhiệt đới trên thế giới, có nhiều giá trị sử dụng đối với nhu cầu của con người (Henrietta, 2022; Puvvala & ctv., 2023). Theo số liệu của FAO (2024), diện tích trồng dừa ở Việt Nam năm 2022 là 172.689 ha, trong đó tập trung chủ yếu ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ. Khánh Hòa là tỉnh có diện tích trồng dừa lớn ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2023 là 1.588 ha và sản

lượng khoảng 6.000 tấn, tập trung chủ yếu ở thành phố Cam Ranh (502 ha), thị xã Ninh Hòa (297 ha) và huyện Vạn Ninh (212 ha) (KHPSO, 2023). Năm 2024, cây dừa được xác định là cây công nghiệp chủ lực của tỉnh Khánh Hòa, định hướng đến năm 2030 là duy trì và phát triển diện tích trồng dừa đạt 1.500 ha và sản lượng đạt 7.500 tấn (PCKHP, 2024).

Tuy nhiên, năng suất và chất lượng quả dừa bị tác động từ nhiều yếu tố như giống hay kỹ thuật canh tác nên hiệu quả kinh tế không cao (Tran & ctv., 2012). Vì vậy, khảo sát này được thực hiện

để đánh giá hiện trạng canh tác dừa của nông hộ ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa góp phần đề xuất định hướng nghiên cứu nhằm phát triển cây dừa theo hướng bền vững.

2. Vật Liệu và Phương Pháp Nghiên Cứu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Vạn Ninh, Phòng Kinh tế thị xã Ninh Hòa và thành phố Cam Ranh. Thu thập số liệu sơ cấp thông qua phương pháp phỏng vấn 120 nông hộ trồng dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa gồm huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa và thành phố Cam Ranh trong thời gian từ 11/2022 đến 12/2022. Tiêu chí nông hộ được phỏng vấn là diện tích đất trồng dừa từ 1.000 m² trở lên, số lượng cây dừa tối thiểu là 20 cây và có áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác.

Nội dung khảo sát nông hộ gồm diện tích đất, đặc điểm canh tác dừa, tình hình bón phân, một số sinh vật gây hại, tình hình thu hoạch và hiệu quả kinh tế.

Số liệu thu thập được nhập, mã hóa và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 365.

3. Kết Quả và Thảo Luận

3.1. Diện tích đất trồng dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Diện tích đất nông nghiệp của nông hộ ở khu vực bờ biển tại tỉnh Khánh Hòa từ 0,5 đến 2,5 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp dưới 0,5 ha chiếm tỉ lệ cao nhất (66,7% số hộ khảo sát). Diện tích trồng dừa của nông hộ từ 0,2 đến 1,0 ha; trong đó cao nhất là diện tích dưới 0,4 ha và chiếm tỉ lệ 72,5% (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích đất nông nghiệp và diện tích đất trồng dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Diện tích đất nông nghiệp (ha)		Diện tích đất trồng dừa (ha)	
Khoảng biến động	Tỉ lệ hộ điều tra (%)	Khoảng biến động	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
< 0,5	66,7	< 0,2	35,0
0,5 - 1,0	13,3	0,2 - 0,4	37,5
> 1,0 - 1,5	8,3	> 0,4 - 0,6	15,8
> 1,5 - 2,0	2,5	> 0,6 - 0,8	4,2
> 2,0 - 2,5	2,5	> 0,8 - 1,0	0,8
> 2,5	6,7	> 1,0	6,7

3.2. Đặc điểm các giống dừa trồng ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Bảng 2 cho thấy hình thức canh tác dừa của nông hộ chủ yếu là chuyên canh, chiếm tỉ lệ 91,7% số hộ khảo sát. Kết quả khảo sát cũng cho thấy cây dừa ở vùng ven biển tỉnh Khánh Hòa được trồng trên nền đất cát và có hiện tượng dừa treo. Theo Ismail & ctv. (2022), trồng dừa trên nền đất cát cần bổ sung chất hữu cơ kết hợp cung

cấp dinh dưỡng đa lượng để cây dừa sinh trưởng và phát triển tốt. Tại khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa, giống dừa uống nước được trồng phổ biến và chiếm 90,0% số hộ khảo sát, điều này phù hợp với nghiên cứu của Assad & ctv. (2022), giống dừa uống nước được trồng phổ biến hơn giống dừa lấy dầu do có chất lượng tốt về hương vị, độ ngọt và thị hiếu của người tiêu dùng.

Bảng 2. Đặc điểm canh tác dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Hình thức canh tác	Chuyên canh	91,7
	Trồng xen	8,3
Giống dừa	Lấy dầu	7,5
	Uống nước	90,0
	Lấy dầu và uống nước	2,5

Giống dừa lấy dầu trồng ở khu vực bờ biển tại tỉnh Khánh Hòa chủ yếu là giống dừa Ta và dừa Dâu, cây chủ yếu trên 30 năm tuổi (83,3% số hộ khảo sát), thời gian ra hoa từ 4,0 đến 5,0 năm sau trồng, dưới 10 buồng/cây trong 1 năm, số quả dừa mùa từ 6 đến 10 quả/buồng (91,7%) và số quả dừa treo phổ biến từ 3 đến 6 quả/buồng (66,7%). Năng suất trung bình của các giống dừa lấy dầu từ 20 đến 60 quả/cây trong 1 năm, chủ

yếu từ 20 đến 40 quả/cây trong 1 năm (Bảng 3). Trong điều kiện chăm sóc tốt và môi trường thuận lợi, giống dừa Ta có năng suất từ 60 đến 80 quả/cây trong 1 năm và giống dừa Dâu từ 80 đến 100 quả/cây trong 1 năm (Nguyễn & ctv., 2015). Vì vậy, cần nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác cho giống dừa lấy dầu ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa để cải thiện khả năng sinh trưởng và nâng cao năng suất.

Bảng 3. Đặc điểm của giống dừa lấy dầu ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Tuổi cây (năm)	1 - 15	0,0
	16 - 30	16,7
	> 30	83,3
Thời gian ra hoa (năm)	< 4,0	0,0
	4,0 - 5,0	100,0
	> 5,0	0,0
Số buồng (buồng/cây trong 1 năm)	< 10	100,0
	10 - 12	0,0
	> 12	0,0
Số quả dừa mùa (quả/buồng)	< 6	8,3
	6 - 10	91,7
	> 10	0,0
Số quả dừa treo (quả/buồng)	< 3	33,3
	3 - 6	66,7
	> 6	0,0
Năng suất (quả/cây trong 1 năm)	< 20	0,0
	20 - 40	66,7
	> 40 - 60	33,3
	> 60	0,0

Bảng 4 cho thấy, giống dừa uống nước có độ tuổi từ 1 đến 15 năm tuổi, trong đó từ 6 đến 10 năm tuổi chiếm đa số (52,3%), thời gian ra hoa từ 3,0 đến 4,0 năm sau trồng, đa số dưới 12 buồng/cây trong 1 năm, số quả dừa mùa chủ yếu từ 6 đến 15 quả/buồng và số quả dừa treo dưới 6 quả/buồng. Năng suất của các giống dừa uống nước từ 50 đến 100 quả/cây trong 1 năm, chiếm 45,9% số hộ.

Bảng 4. Đặc điểm của giống dừa uống nước ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Tuổi cây (năm)	1 - 5	35,1
	6 - 10	52,3
	11 - 15	9,9
	> 15	2,7
Thời gian ra hoa (năm)	Chưa hoa	10,8
	2,0 - 3,0	3,6
	3,0 - 4,0	81,1
	> 4,0	4,5
Số buồng (buồng/cây trong 1 năm)	Chưa có buồng	10,8
	< 10	46,0
	10 - 12	38,7
	> 12	4,5
Số quả dừa mùa (quả/buồng)	Chưa có quả	10,8
	1 - 5	8,2
	6 - 10	25,2
	11 - 15	25,2
	16 - 20	18,9
	> 20	11,7
Số quả dừa treo (quả/buồng)	Chưa có quả	10,8
	1 - 3	49,5
	4 - 6	36,9
	7 - 9	1,8
	> 10	1,0
Năng suất (quả/cây trong 1 năm)	Chưa có quả	10,8
	< 50	14,4
	50 - 100	45,9
	> 100 - 150	21,6
	> 150 - 200	7,2
	> 200	0,0

Theo Phan & ctv. (2017) cho thấy, giống dừa uống nước trồng tại một số tỉnh miền Trung có năng suất từ 10 đến 35 quả/cây trong 1 năm đối với nhóm từ 1 đến 10 năm tuổi và 35 đến 78 quả/cây trong 1 năm đối với nhóm trên 10 năm tuổi. Tuy nhiên, năng suất tiềm năng của giống dừa Xiêm xanh, Xiêm đỏ, Xiêm lục và Xiêm lửa từ 140 đến 150 quả/cây trong 1 năm; dừa Éo từ 250 đến 300 quả/cây trong 1 năm và dừa Tam Quan từ 100 đến 120 quả/cây trong 1 năm (Nguyen & ctv., 2015). Điều này cho thấy, năng suất của giống dừa uống nước trồng ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa thấp hơn so với năng suất tiềm năng nên cần thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu để tăng số lượng quả và năng suất.

3.3. Kỹ thuật trồng và chăm sóc dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Bảng 5. Đặc điểm trồng dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Nguồn giống	Mua	62,5
	Tự ươm	37,5
Đào hố	Có	85,8
	Không	14,2
Bón lót	Có	62,5
	Không	37,5
Bón lót hữu cơ	Có	60,0
	Không	40,0
Liều lượng hữu cơ (kg/cây)	< 5,0	12,5
	5,0 - 10,0	34,7
	> 10,0	52,8
Mật độ trồng dừa (cây/ha)	< 200	3,3
	200 - 250	9,2
	> 250 - 300	24,2
	> 300 - 350	9,2
	> 350 - 400	0,8
	> 400	53,3
Làm cỏ	Có	60,0
	Không	40,0
Cách làm	Tay	45,8
	Máy	51,4
	Phun thuốc	2,8

Bảng 5 cho thấy, nguồn gốc cây dừa giống được trồng chủ yếu là mua (chiếm 62,5%) và tự ươm (37,5%). Theo Perera & ctv. (2024), dừa là cây lâu năm nên cần sử dụng cây giống tốt để cây sinh trưởng, phát triển khỏe và đạt năng suất cao. Kết quả khảo sát cho thấy, nông hộ có thực hiện đào hố chiếm tỉ lệ cao 85,8%, bón lót trước khi trồng đạt 62,5%, trong đó bón lót phân hữu cơ đạt 60,0% số hộ với liều lượng trên 10,0 kg/cây chiếm tỉ lệ đa số (52,8%). Mật độ trồng dừa từ 200 đến 400 cây/ha, trong đó nông hộ trồng trên 400 cây/ha có tỉ lệ cao nhất (53,3%). Nông hộ trồng dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa có quan tâm đến việc làm cỏ với tỉ lệ 60,0%; phương pháp làm cỏ trong vườn dừa chủ yếu là bằng máy (51,4%) và làm thủ công bằng tay (45,8%).

3.4. Kỹ thuật bón phân cho cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Bảng 6 cho thấy có 34,2% nông hộ bón phân hữu cơ và 65,8% nông hộ không bón phân hữu cơ cho cây dừa. Hình thức bón phân hữu cơ chủ yếu là rải xung quanh gốc và số lần bón chủ yếu

dưới 3 lần/năm. Loại phân hữu cơ được sử dụng có nguồn gốc từ gia súc, gia cầm và cá, trong đó phân gia súc có tỉ lệ cao nhất, chiếm 80,5% số hộ trong thời kỳ kiến thiết cơ bản và 90,2% trong thời kỳ kinh doanh. Trong đó, liều lượng phân gia súc và phân cá được sử dụng phổ biến từ 10 đến 20 kg/cây, phân gia cầm chủ yếu dưới 10 kg/cây.

Bảng 6. Tình hình bón phân hữu cơ cho cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)	
		Thời kỳ kiến thiết cơ bản	Thời kỳ kinh doanh
Bón phân hữu cơ	Có	34,2	34,2
	Không	65,8	65,8
Hình thức bón	Rải	48,8	51,2
	Để bao	19,5	22,0
	Đào lấp	31,7	26,8
Số lần bón (lần/năm)	< 3	80,5	85,4
	3 - 4	19,5	14,6s
	> 4	0,0	0,0
Loại phân	Gia súc	85,4	90,2
	Gia cầm	7,3	7,4
	Cá	7,3	2,4
Liều lượng phân gia súc (kg/cây trong 1 lần)	< 10	28,6	21,6
	10 - 20	45,7	46,0
	> 20	25,7	32,4
Liều lượng phân gia cầm (kg/cây trong 1 lần)	< 10	66,7	66,7
	10 - 20	33,3	33,3
	> 20	0,0	0,0
Liều lượng phân cá (kg/cây trong 1 lần)	< 10	0,0	0,0
	10 - 20	100,0	100,0
	> 20	0,0	0,0

Bảng 7. Tình hình bón phân vô cơ cho cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)	
		Thời kỳ kinh doanh	Thời kỳ kiến thiết cơ bản
Bón phân vô cơ	Có	59,2	55,8
	Không	40,8	44,2
	Rải	88,7	89,5
Hình thức bón	Tưới phân	2,8	1,5
	Đào lấp	8,5	9,0
	< 3	57,8	58,2
Số lần bón (lần/năm)	3 - 4	36,6	35,8
	> 4	5,6	6,0
	< 100	23,7	15,0
Liều lượng N (g/cây/lần)	100 - 200	49,2	60,0
	> 200	27,1	25,0
	< 100	23,7	15,0
Liều lượng P ₂ O ₅ (g/cây/lần)	100 - 200	49,2	60,0
	> 200	27,1	25,0
	< 100	40,7	35,0
Liều lượng K ₂ O (g/cây/lần)	100 - 200	44,1	50,0
	> 200	15,3	15,0

Bảng 7 cho thấy đối với bón phân vô cơ cho cây dừa, tỉ lệ nông hộ bón phân trong thời kỳ kiến thiết cơ bản đạt 59,2% và thời kỳ kinh doanh là 55,8%. Hình thức bón phân chủ yếu là rải xung quanh gốc, và số lần bón dưới 4 lần/năm. Nông

hộ bón N và P₂O₅ chủ yếu ở mức từ 100 đến 200 g/cây nhưng liều lượng bón K₂O dưới 200 g/cây.

3.5. Tình hình sinh vật gây hại trên cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Bảng 8. Tình hình sinh vật hại trên cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Đối tượng sinh vật hại	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Bọ dừa (<i>Brontispa longissima</i> Gestro)	Có	56,7
	Không	43,3
Kiến vương (<i>Oryctes rhinoceros</i> Larvae)	Có	69,2
	Không	30,8
Đuông dừa (<i>Rhynchophorus ferrugineus</i> Olivier)	Có	66,7
	Không	33,3
Bọ vòi voi (<i>Diocalandra frumenti</i> Fabricius)	Có	4,2
	Không	95,8
Bọ xít (<i>Amplypelta</i> sp.)	Có	1,7
	Không	98,3
Rệp sáp (<i>Aspidiotus destructor</i> Sign)	Có	88,3
	Không	91,7
Sâu ăn lá (<i>Parasa lepida</i>)	Có	1,7
	Không	98,3
Sâu ăn bông (<i>Tirathaba rufivera</i>)	Có	24,2
	Không	75,8
Chuột (<i>Rattus</i> spp.)	Có	17,5
	Không	82,5

Kết quả điều tra cho thấy có 8 loài sâu hại và 01 loài động vật gây hại trên cây dừa. Trong đó, tỉ lệ gây hại chiếm nhiều nhất là kiến vương (69,2%), đuông dừa (66,7%) và bọ dừa (56,7%). Khảo sát của Phan & ctv. (2016) cho thấy, các vườn dừa ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên có tỉ lệ gây hại của bọ dừa là 47,8%, kể đến là sâu ăn lá

9,7% và chuột là 4,6%. Vì vậy, cần nghiên cứu các biện pháp phòng trừ kiến vương, đuông dừa và bọ dừa để khuyến cáo nông hộ thực hiện nhằm hạn chế thiệt hại về năng suất và chất lượng quả dừa (Bảng 8).

3.6. Hiệu quả kinh tế của cây dừa ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Bảng 9. Tình hình thu hoạch, thu nhập và hiệu quả kinh tế vườn dừa của nông hộ ở khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa

Chỉ tiêu điều tra	Phân nhóm	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Số lần thu hoạch (lần/năm)	< 5	9,3
	5 - 10	17,6
	10 - 15	50,9
	15 - 20	15,7
	> 20	6,5
Cách thu hoạch	Tự thu	32,4
	Thương lái	67,6
Hình thức bán quả	Dừa khô	6,5
	Dừa uống nước	93,5
Chi phí chăm sóc dừa thời kỳ kinh doanh (triệu đồng/ha trong 1 năm)	< 20	63,9
	20 - 40	11,1
	40 - 60	8,3
	> 60	16,7
Thu nhập từ dừa (triệu đồng/ha trong 1 năm)	< 50	9,3
	50 - 100	21,3
	> 100 - 150	21,3
	> 150 - 200	14,8
	> 200 - 250	11,1
	> 250 - 300	8,3
	> 300	13,9
Lợi nhuận từ dừa (triệu đồng/ha/năm)	< 50	20,4
	50 - 100	25,9
	> 100 - 150	18,5
	> 150 - 200	11,1
	> 200 - 250	8,3
	> 250 - 300	11,1
	> 300	4,6

Bảng 9 cho thấy chi phí chăm sóc dừa thời kỳ kinh doanh từ 20 đến 60 triệu đồng/ha trong 1 năm, trong đó dưới 20 triệu đồng/năm chiếm cao nhất (63,9%). Thu nhập hàng năm từ dừa của nông hộ chủ yếu dưới 150 triệu đồng/ha (51,9%). Lợi nhuận từ dừa tập trung ở mức dưới 100 triệu đồng/ha trong 1 năm. Kết quả này cho thấy, lợi nhuận từ dừa tại khu vực bờ biển tỉnh Khánh Hòa cao hơn so với một số vùng trồng dừa khác trong nước. Theo Thai & ctv. (2024), lợi nhuận chủ yếu của các vườn dừa lấy dầu trồng ở tỉnh Bến Tre từ 30 đến 60 triệu đồng/ha/năm. Tại đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang), các nông hộ trồng dừa với hình thức bán quả chủ yếu là uống nước, thu nhập chủ yếu dưới 20 triệu đồng/ha trong 1 năm (Nguyen & ctv., 2024).

4. Kết Luận và Đề Nghị

Hình thức canh tác dừa chủ yếu là chuyên canh và phổ biến là giống dừa uống nước. Giống dừa uống nước chủ yếu từ 6 đến 10 năm tuổi, thời gian ra hoa từ 3 đến 4 năm sau trồng và năng suất từ 50 đến 100 quả/cây trong 1 năm. Giống dừa lấy dầu có tuổi trung bình trên 30 năm, thời gian ra hoa từ 4 đến 5 năm và năng suất từ 20 đến 40 quả/cây trong 1 năm.

Nông hộ trồng dừa phổ biến với mật độ khoảng 400 cây/ha, đa số có đào hố và bón lót. Nông hộ có áp dụng bón phân hữu cơ cho vườn dừa bằng hình thức rải xung quanh gốc, bón chủ yếu dưới 3 lần/năm, phổ biến là loại phân gia súc, liều lượng từ 10 đến 20 kg/cây. Nông hộ bón phân vô cơ ở mức trung bình, chủ yếu rải xung quanh gốc, bón dưới 3 lần/năm, liều lượng N và P_2O_5 từ 100 đến 200 g/cây trong 1 lần bón, K_2O chủ yếu dưới 200 g/cây trong 1 lần bón. Sâu hại phổ biến ở các vườn dừa là bọ dừa, kiến vương, đung và sâu ăn bông.

Chi phí chăm sóc dừa thời kỳ kinh doanh phổ biến dưới 20 triệu đồng/ha trong 1 năm, thu nhập từ dừa của nông hộ đa số dưới 150 triệu đồng/ha trong 1 năm và lợi nhuận chủ yếu dưới 100 triệu đồng/ha trong 1 năm.

Tuy nhiên, cần nghiên cứu và đánh giá chuyên sâu về đặc điểm nông sinh học của các giống dừa và biện pháp canh tác, phòng trừ sâu bệnh để tăng năng suất và hiệu quả kinh tế của vườn dừa ở khu vực ven biển tỉnh Khánh Hòa.

Lời Cam Đoan

Chúng tôi cam đoan bài báo do nhóm tác giả thực hiện và không có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa các tác giả.

Lời Cảm Ơn

Chúng tôi chân thành cảm ơn Bộ Công Thương đã hỗ trợ kinh phí trong đề tài “Nghiên cứu phát triển giống dừa năng suất cao, thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp điều kiện sinh thái vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam” giai đoạn 2021 đến 2025 do Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu chủ trì để thực hiện nghiên cứu này.

Tài Liệu Tham Khảo (References)

- Assad, A. N., Jailani, F., & Mutalib, S. R. A. (2022). Physicochemical properties and sensory acceptability of different varieties of coconut water and flesh. *Scientific Research Journal* 19(1), 75-89. <https://doi.org/10.24191/srj.v19i1.13793>.
- FAO (The Food and Agriculture Organization). (2024). *Area harvested and production quantity of coconut of Vietnam*. Retrieved November 14, 2024, from <http://www.fao.org/faostat/en/#data/QC>.
- Henrietta, H. M., Kalaiyarasi, K., & Raj, A. S. (2022). Coconut tree (*Cocos nucifera*) products: A review of global cultivation and its benefits.

- Journal of Sustainability and Environmental Management* 1(2), 257-264. <http://doi.org/10.3126/josem.v1i2.45377>.
- Ismail, K., Ismail, A. A., & Husin, M. A. (2022). Influence of intergrated nutrient management on yield of coconut on sandy soils. *Asian Journal of Applied Science and Technology* 6(1), 38-49. <http://doi.org/10.38177/ajast.2022.6106>.
- KHPSO (Khanh Hoa Provincial Statistics Office). (2023). *Statistical yearbook of 2023*. Khanh Hoa, Vietnam: Khanh Hoa Provincial Statistics Office.
- Nguyen, T. D. H., Thai, T. N. Q., Tran, H. D., & Tran, D. T. H. (2024). An assessment of the situation of coconut cultivation in Phu Quoc Island, Kien Giang province, Vietnam. *Hue University Journal of Science: Agriculture and Rural Development* 133(3B), 101-111. <http://doi.org/10.26459/hueunijard.v133i3B.7470>.
- Nguyen, T. T., Ngo, D. T. K., Nguyen, P. T. M., & Nguyen, H. T. B. (2015). Coconut varieties and seed production technique for high yield, high quality. In *Collection of Scientific Works: Research and Development of Materials and Processing Production Form Oil Plants* (59-71). Ho Chi Minh City, Vietnam: Agricultural Publishing House.
- PCKHP (People's Committee of Khanh Hoa Province). (2024). Decision No. 2743/QĐ-UBND October 23, 2024. Plan to implement the project on developing key industrial crops by 2030 in Khanh Hoa province. Retrieved October 29, 2024, from <https://congbaokhanhhoa.gov.vn/noi-dung/id/3630/Phat-trien-cay-cong-nghiep-chu-luc-den-nam-2030-tren-dia-ban-tinh-Khanh-Hoa>.
- Perera, L., Ramaswamy, M., Dissanayake, P. D., Yang, C., & Kalaipandian, S. (2024). Breeding and genetics for coconut improvement. In Adkins, S. W., Biddle, J. M., Bazrafshan, A., & Kalaipandian, S. (Eds.). *The coconut - botany, production and uses* (111-125). Walingford Oxfordshire, USA: CABI Publishing.
- Phan, H. T., Ha, T. V., & Nguyen, H. T. (2016). Present situation of coconut development in Song Cau town Phu Yen province. *Journal of Vietnam Agricultural Science and Technology* 2(63), 89-94.
- Phan, H. T., Nguyen, H. T., Hoang, V., Ha, T. V., Tran, N. D., Pham, L. V., Le, H. T. T., Le, T. T., Banh, T. Q., Le, T. T. T., & Nguyen, Q. T. C. (2017). *Research on selecting varieties and cultivation methods to improve coconut productivity and quality in the Central provinces* (Research report). Agricultural Science Institute for Southern Coastal Central of Vietnam, Binh Dinh, Vietnam.
- Puvvala, V. R., Nagulapati, B. V. C. R., Alwala, P. E., Kavuru, U., & Ganta, K. R. (2023). Yield loss in coconut variety East Coast Tall (ECT) owing to rugose spiralling whitefly (RSW), *Aleurodicus rugioperculatus* M. infestation. *Phytoparasitica* 51, 1017-1024. <https://doi.org/10.1007/s12600-023-01091-w>.
- Thai, T. N. Q., Tran, H. D., Nguyen, T. D. H., & Tran, D. T. H. (2024). Current status of coconut cultivation in Ben Tre province, Vietnam. *Hue University Journal of Science: Agriculture and Rural Development* 133(3A), 35-48. <https://doi.org/10.26459/hueunijard.v133i3A.7337>.
- Tran, K. T., Le, N. V. G., & Nguyen, A. V. (2012). Evaluating the efficiency of coconut production in farmers in Ben Tre province. *Vietnam Journal of Agriculture and Rural Development* 262, 21-29.